



NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NGÀY 04/4/2024

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 02 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu

1. Căn cứ.

- Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017, và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
- Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu.

2. Vấn đề.

- Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu hiện hành được ban hành theo Nghị quyết số 1316/TCQĐ-ĐHĐCĐ.19 ngày 23/4/2019. Quy chế này được xây dựng trên cơ sở Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.
- Nghị định số 71/2017/NĐ-CP nói trên đã hết hiệu lực thi hành; ngoài ra Luật Các tổ chức tín dụng 2024 sẽ có hiệu lực thi hành từ 01/7/2024; do đó Quy chế quản trị nội bộ cần điều chỉnh cho phù hợp với các quy định mới.

3. Kiến nghị.

Hội đồng quản trị kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu theo dự thảo đính kèm.

Kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Trần Hùng Huy

Đính kèm:

- Phụ lục 1: Các nội dung sửa đổi, bổ sung;
- Phụ lục 2: Dự thảo (sửa đổi, bổ sung) Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu.



PHỤ LỤC 1

CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

(Đính kèm Tờ trình ĐHĐCĐ ngày 29/02/2024 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu)

STT	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Quy chế hiện hành	Quy chế mới	Lý do
1.	Phạm vi điều chỉnh	Quy chế này quy định các vấn đề liên quan đến quản trị nội bộ đối với Ngân hàng TMCP Á Châu (“Ngân hàng”), bao gồm: 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. Ban kiểm soát; 4. Người điều hành; 5. Người phụ trách quản trị Ngân hàng.	Quy chế này quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và các quy định hiện hành khác của pháp luật.	Rút gọn nội dung trình bày.
2.	Đối tượng áp dụng	Quy chế này áp dụng đối với các đối tượng sau: 1. Cổ đông và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của cổ đông; 2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành, Người điều hành khác và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của các đối tượng này; 3. Tổ chức và cá nhân có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng.	Quy chế này được áp dụng cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.	Rút gọn nội dung trình bày.
3.	Giải thích từ ngữ	Điều 3.	Lược bỏ.	Lược bỏ vì không cần thiết.
4.	Nguyên tắc áp dụng văn bản	Điều 4.	Điều 3.	

STT	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Quy chế hiện hành	Quy chế mới	Lý do
5.	Các nguyên tắc quản trị cơ bản	Điều 5.	Lược bỏ.	Lược bỏ vì không cần thiết.
6.	Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	<p>Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông</p> <ol style="list-style-type: none"> Ngoài các quyền và nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định có liên quan của pháp luật, cổ đông còn có các quyền sau đây: ... Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trường hợp quy định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Ngân hàng, quy định của Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Ngân hàng gây thiệt hại cho Ngân hàng, cổ đông có quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ quy định đó theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ của cổ đông lớn: ... 	<p>Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <ol style="list-style-type: none"> Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Ngân hàng. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông: Thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng. 	Theo Điều 2 Phụ lục II của Thông tư số 116/2020/TT-BTC.
7.	Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông và lập danh sách cổ đông có quyền dự họp	<p>Điều 7.</p> <ol style="list-style-type: none"> Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi cho Sở giao dịch chứng khoán và các cơ quan liên quan Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và chuẩn bị danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập xong chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông dự kiến. Ngân hàng phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. <ol style="list-style-type: none"> Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần do Hội đồng quản trị 	<p>Điều 5.</p> <ol style="list-style-type: none"> Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi cho Sở giao dịch chứng khoán và các cơ quan liên quan thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và chuẩn bị danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập xong chậm nhất 31 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông dự kiến. Ngân hàng phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. <ol style="list-style-type: none"> Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần do Hội đồng 	Theo quy định tại Điều 141.1, Điều 143.1 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 27.1 Điều lệ ACB, Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Điều 2 Phụ lục II của Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

STT	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Quy chế hiện hành	Quy chế mới	Lý do
		<p>triệu tập trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính khi có sự chấp thuận của cơ quan đăng ký kinh doanh theo đề nghị của Hội đồng quản trị. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>b. Đại hội đồng cổ đông bất thường được triệu tập họp trong một số trường hợp nhất định được quy định theo Điều lệ Ngân hàng.</p> <p>2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; và số lượng cổ phần từng loại.</p> <p>3. Cổ đông có quyền yêu cầu người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>quản trị triệu tập trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>b. Đại hội đồng cổ đông bất thường được triệu tập họp trong một số trường hợp nhất định được quy định tại Điều lệ Ngân hàng.</p> <p>2. Hình thức họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành thông qua hình thức họp trực tiếp, hoặc họp trực tuyến, hoặc họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến.</p> <p>b. Trình tự, thủ tục và cách thức tiến hành Đại hội đồng cổ đông được tiến hành thông qua phương thức họp trực tuyến, hoặc kết hợp trực tiếp và trực tuyến, được thực hiện theo quy định của Đại hội đồng cổ đông trong từng thời kỳ.</p> <p>3. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ tùy thân của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.</p> <p>4. Cổ đông có quyền yêu cầu người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	
8.	Thông báo mời họp	Điều 8.	Điều 6.	Theo Điều 143 Luật

STT	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Quy chế hiện hành	Quy chế mới	Lý do
	Đại hội đồng cổ đông	Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, Thông báo họp có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin Sở giao dịch chứng khoán, 01 tờ báo trung ương hoặc địa phương nơi Ngân hàng đóng trụ sở chính. Đối với cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu, Thông báo họp có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp. Trong trường hợp là nhân viên của Ngân hàng, Thông báo họp có thể được gửi tới từng cá nhân trong phong bì dán kín để tại nơi làm việc. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Ngân hàng bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, Thông báo họp có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Thông báo họp phải được gửi ít nhất 15 ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày Thông báo họp được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Nếu Ngân hàng có một trang thông tin điện tử (web), Thông báo họp phải được đăng trên trang thông tin điện tử đó đồng thời với việc gửi Thông báo họp cho các cổ đông.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. 2. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng; trường hợp Ngân hàng xét thấy cần thiết thì đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương theo quy định của Điều lệ Ngân hàng. 3. Tài liệu họp sẽ được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng. 	Doanh nghiệp 2020, Điều 18 Phụ lục I của Thông tư số 116/2020/TT-BTC.
9.	Đăng ký và ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	<p>Khoản 3 và khoản 4 Điều 9:</p> <p>3. Việc ủy quyền cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản. Hội đồng quản trị có trách nhiệm quy định cụ thể nội dung cần thiết trong văn bản ủy quyền, nhưng phải có các yếu tố sau:</p>	<p>Khoản 3 và khoản 4 Điều 7:</p> <p>3. Việc ủy quyền cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản. Hội đồng quản trị có trách nhiệm quy định cụ thể nội dung cần thiết trong văn bản ủy quyền, nhưng phải có các yếu tố sau:</p>	Sửa đổi cụm từ “ <i>số chứng minh thư nhân dân</i> ” thành “ <i>giấy tờ tùy thân</i> ” để phù hợp với thực tế phát sinh. Quy định rõ các trường

STT	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Quy chế hiện hành	Quy chế mới	Lý do
		<p>a. Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải ghi rõ: Họ tên người ủy quyền, địa chỉ thường trú, số chứng minh thư nhân dân, số cổ phần và loại cổ phần đang sở hữu, nội dung và mục đích ủy quyền; họ tên người được ủy quyền, địa chỉ thường trú và số chứng minh thư nhân dân của người được ủy quyền; người ủy quyền phải ký tên và ghi rõ họ tên của mình;</p> <p>b. Trường hợp cổ đông là pháp nhân thì văn bản ủy quyền phải ghi rõ: Tên pháp nhân, địa chỉ pháp nhân, họ tên và số chứng minh thư nhân dân của người ủy quyền (người đại diện số vốn góp cổ phần của pháp nhân), số cổ phần và loại cổ phần đang sở hữu, nội dung và mục đích ủy quyền; họ tên người được ủy quyền, địa chỉ thường trú và số chứng minh thư nhân dân của người được ủy quyền; người ủy quyền phải ký tên và ghi rõ họ tên của mình và đóng dấu của pháp nhân. Trường hợp chữ ký của người ủy quyền chưa có thẩm quyền được đóng dấu pháp nhân thì phải được đại diện có đủ thẩm quyền của pháp nhân ký tên, đóng dấu để xác nhận đó là chữ ký của người ủy quyền.</p> <p>4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc ủy quyền;</p>	<p>a. Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải ghi rõ: Họ tên người ủy quyền, địa chỉ thường trú, số giấy tờ tùy thân, số cổ phần và loại cổ phần đang sở hữu, nội dung và mục đích ủy quyền; họ tên người được ủy quyền, địa chỉ thường trú và số giấy tờ tùy thân của người được ủy quyền; người ủy quyền phải ký tên và ghi rõ họ tên của mình;</p> <p>b. Trường hợp cổ đông là pháp nhân thì văn bản ủy quyền phải ghi rõ: (i) Thông tin bên ủy quyền (Tên pháp nhân, địa chỉ pháp nhân, họ tên và số giấy tờ tùy thân của cá nhân đại diện số vốn góp cổ phần của pháp nhân); (ii) Số cổ phần và loại cổ phần đang sở hữu, nội dung và mục đích ủy quyền; (iii) Thông tin bên được ủy quyền (họ tên người được ủy quyền, địa chỉ thường trú và số giấy tờ tùy thân). bên ủy quyền phải ký tên và ghi rõ họ tên của mình và đóng dấu của pháp nhân. Trường hợp chữ ký của bên ủy quyền chưa có thẩm quyền được đóng dấu pháp nhân thì phải được đại diện có đủ thẩm quyền của pháp nhân ký tên, đóng dấu để xác nhận đó là chữ ký của bên ủy quyền.</p> <p>4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi</p>	<p>thông tin trong ủy quyền tổ chức để tránh nhầm lẫn.</p> <p>Bổ quy định về giới hạn thời hạn nhận thông báo để xem là ủy quyền hết hiệu lực, tham khảo Điều 16 Phụ lục I của Thông tư số 116/2020/TT-BTC.</p>

STT	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Quy chế hiện hành	Quy chế mới	Lý do
		<p>c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.</p> <p>Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Ngân hàng nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên hai mươi tư giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	<p>dân sự;</p> <p>b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc uỷ quyền;</p> <p>c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.</p> <p>Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Ngân hàng nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	
10.	Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	Không quy định.	<p>Bổ sung Điều 8. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và những người được uỷ quyền dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần biểu quyết. 2. Trường hợp không đủ điều kiện về tỷ lệ đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết cần thiết tham dự họp trong vòng 60 phút kể từ thời điểm dự định họp thì Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông và những người được uỷ quyền dự họp đại diện ít nhất 33% số cổ phần có quyền biểu quyết. 3. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông lần hai không đủ điều kiện về tỷ lệ đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết cần thiết tham dự họp trong vòng 60 phút kể từ thời điểm dự định họp, thì Đại hội đồng cổ đông lần ba được triệu tập họp trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định 	Theo Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 19 Phụ lục I, Điều 2 Phụ lục II của Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

STT	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Quy chế hiện hành	Quy chế mới	Lý do
			khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông, tỷ lệ đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể quyết định một cách hợp lệ.	
11.	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên	Điều 10 và Điều 11.	Lược bỏ.	Lược bỏ vì không cần thiết.
12.	Thủ tục biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	<p>Điều 12.</p> <ol style="list-style-type: none"> Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình dưới sự điều khiển của Chủ tọa. Khi đến dự họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền của cổ đông tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông và được cấp một “Tờ biểu quyết” do Ngân hàng phát hành, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên của người đại diện được ủy quyền, số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Số phiếu biểu quyết của mỗi cổ đông biểu quyết bằng số cổ phần mà cổ đông sở hữu hoặc là người đại diện chủ sở hữu. Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, số thẻ biểu quyết được thu theo thứ tự sau đây: thẻ tán thành, thẻ không tán thành, thẻ không có ý 	<p>Điều 9.</p> <ol style="list-style-type: none"> Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình dưới sự điều khiển của Chủ tọa. Cổ đông biểu quyết về các vấn đề theo Quy chế biểu quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Số phiếu biểu quyết của mỗi cổ đông biểu quyết bằng số cổ phần mà cổ đông sở hữu hoặc là người đại diện chủ sở hữu. Ban kiểm phiếu có số lượng không quá 03 người được Đại hội đồng cổ đông tiến hành biểu quyết bầu theo đề nghị của Chủ tọa. Chủ tọa giới thiệu nhân sự bầu vào Ban kiểm phiếu, quyết định phương thức kiểm đếm tỷ lệ biểu quyết bằng giơ tay hoặc phương thức khác và phân công bộ phận tổ chức cuộc họp tiến hành kiểm đếm tỷ lệ biểu 	Theo Điều 2 Phụ lục II của Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

STT	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Quy chế hiện hành	Quy chế mới	Lý do
		<p>kiến, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành, không có ý kiến để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành từng vấn đề hoặc phiếu không có ý kiến, sẽ được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p> <p>5. Ban kiểm phiếu có số lượng không quá 03 (ba) người được Đại hội đồng cổ đông tiến hành biểu quyết bầu theo đề nghị của Chủ tọa. Chủ tọa giới thiệu nhân sự bầu vào Ban kiểm phiếu, quyết định phương thức kiểm đếm tỷ lệ biểu quyết bằng giơ tay hoặc phương thức khác và phân công bộ phận tổ chức cuộc họp tiến hành kiểm đếm tỷ lệ biểu quyết. Ban kiểm phiếu làm việc theo sự chỉ đạo của Chủ tọa.</p> <p>6. Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền của cổ đông đến sau khi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia, biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p>	<p>quyết. Ban kiểm phiếu làm việc theo sự chỉ đạo của Chủ tọa.</p> <p>5. Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền của cổ đông đến sau khi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia, biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>6. Cổ đông tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Trình tự, thủ tục họp và biểu quyết thông qua hình thức họp trực tuyến, hoặc bằng hình thức họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến, hoặc bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác được thực hiện theo quy định của Đại hội đồng cổ đông trong từng thời kỳ.</p>	
13.	Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	<p>Điểm c khoản 1 Điều 13</p> <p>Đại biểu tham dự, họ tên chủ tịch (chủ tọa) và thư ký</p>	<p>Điểm c khoản 1 Điều 10</p> <p>Họ tên chủ tọa và thư ký.</p>	
14.	Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	<p>Khoản 5 Điều 15</p> <p>Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Biên</p>	<p>Khoản 5 Điều 12</p> <p>Biên bản kiểm phiếu được gửi đến cho cổ đông thông qua trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</p>	Rút gọn nội dung trình bày.

STT	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Quy chế hiện hành	Quy chế mới	Lý do
		bản kết quả kiểm phiếu có thể gửi trực tiếp và/hoặc thông qua trang thông tin điện tử của Ngân hàng. Việc gửi biên bản kiểm phiếu cho các cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.		
15.	Chi phí liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 16.	Lược bỏ.	Lược bỏ vì không cần thiết.
16.	Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Không quy định.	<p>Bổ sung Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <ol style="list-style-type: none"> Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, chủ sở hữu. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, người quản lý, người điều hành khác cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và các đơn vị trong Ngân hàng. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị: Thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ sau: <ol style="list-style-type: none"> Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Ngân hàng; Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan; Đảm bảo hoạt động của Ngân hàng tuân thủ 	Theo Điều 3 Phụ lục II của Thông tư số 116/2020/TT-BTC; Điều 153, 159 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 278 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

STT	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Quy chế hiện hành	Quy chế mới	Lý do
			<p>các quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và quy định nội bộ của Ngân hàng;</p> <p>d) Xây dựng quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội cổ đông thông qua;</p> <p>e) Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý, người điều hành khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Ngân hàng sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;</p> <p>f) Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;</p> <p>g) Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý, người điều hành khác của Ngân hàng;</p> <p>h) Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị tại đại hội cổ đông.</p> <p>4. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị: Thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.</p>	
17.	Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	Không quy định.	<p>Bổ sung Điều 14. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng</p>	Theo Điều 3 Phụ lục II của Thông tư số 116/2020/TT-BTC; Điều 69, Điều 210.8 Luật Các TCTD 2024

STT	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Quy chế hiện hành	Quy chế mới	Lý do
			<p>quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</p> <p>2. Hội đồng quản trị bao gồm ít nhất là 05 thành viên và nhiều nhất là 11 thành viên. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 02 thành viên độc lập, hai phần ba tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành tổ chức tín dụng. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể là thành viên độc lập.</p> <p>3. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị nhưng không được vượt quá 02 thành viên Hội đồng quản trị của một tổ chức tín dụng là công ty cổ phần, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc.</p>	
18.	Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị	<p>Khoản 1 và khoản 2 Điều 17.</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <p>a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý Ngân hàng theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Không thuộc đối tượng không được là thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định khác có liên quan của pháp luật;</p> <p>c. Có bằng đại học trở lên;</p>	<p>Khoản 1 và khoản 2 Điều 15.</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <p>a. Không thuộc đối tượng không được là thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng;</p> <p>b. Có đạo đức nghề nghiệp;</p> <p>c. Có trình độ học vấn từ đại học trở lên;</p> <p>d. Có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của</p>	Điều 41 Luật Các TCTD 2024.

STT	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Quy chế hiện hành	Quy chế mới	Lý do
		<p>d. Có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;</p> <p>e. Có sức khỏe, có đạo đức nghề nghiệp và trung thực.</p> <p>2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a. Không phải là người đang làm việc cho chính Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng trong 03 năm liền kề trước đó;</p> <p>b. Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng ngoài những khoản phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;</p> <p>c. Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Ngân hàng, người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;</p> <p>d. Không trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu hoặc đại</p>	<p>doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p> <p>2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a. Không phải là người đang làm việc cho chính Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng trong 03 năm liền kề trước đó;</p> <p>b. Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng ngoài những khoản phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;</p> <p>c. Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Ngân hàng, người quản lý, người điều hành hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;</p> <p>d. Không đại diện sở hữu cổ phần của tổ chức</p>	

STT	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Quy chế hiện hành	Quy chế mới	Lý do
		<p>diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;</p> <p>e. Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 (năm) năm liền kề trước đó.</p>	<p>tín dụng đó; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tổ chức tín dụng đó;</p> <p>e. Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó.</p>	
19.	Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị	<p>Khoản 1 và khoản 4 Điều 18. Đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 (tám) ứng cử viên.</p> <p>4. Các ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Ngân hàng nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản</p>	<p>Khoản 1 và khoản 4 Điều 16. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đủ điều kiện đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị sở hữu dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 (tám) ứng cử viên.</p> <p>4. Các ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Ngân hàng nếu được bầu làm thành viên Hội đồng</p>	Điều 61.10 Luật Các TCTD 2024.

STT	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Quy chế hiện hành	Quy chế mới	Lý do
		trị được công bố tối thiểu bao gồm: a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b. Trình độ học vấn; c. Trình độ chuyên môn; d. Quá trình công tác; e. Tên các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác (nếu có); f. Các lợi ích có liên quan tới Ngân hàng (nếu có); g. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng cử viên đó (nếu có); h. Các thông tin khác (nếu có).	quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm: a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b. Trình độ học vấn và chuyên môn; c. Quá trình công tác; d. Tên các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác (nếu có); e. Các lợi ích có liên quan tới Ngân hàng (nếu có); f. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng cử viên đó (nếu có); g. Các thông tin khác (nếu có).	
20.	Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị	Điều 19.	Điều 17. Bổ sung khoản 3: Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.	Theo Điều 3 Phụ lục II, Điều 9 Phụ lục III của Thông tư số 116/2020/TT-BTC
21.	Đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị	Điều 20.	Lược bỏ.	Lược bỏ vì không cần thiết.
22.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên	Điều 21.	Điều 18. Bổ sung khoản 3:	Điều 36.3 Luật Các TCTD 2010, Điều 46.3

STT	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Quy chế hiện hành	Quy chế mới	Lý do
	Hội đồng quản trị		Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.	Lệnh Các TCTD 2024
23.	Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	Không quy định.	Bổ sung Điều 19. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.	Theo Điều 3 Phụ lục II của Thông tư số 116/2020/TT-BTC
24.		CHƯƠNG IV. TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Lược bỏ	Lược bỏ vì không cần thiết.
25.	Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị	Điều 22.	Điều 20.	
26.	Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị	Điều 23.	Điều 21.	
27.	Các ủy ban thuộc Hội đồng quản trị	CHƯƠNG VI. THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ Điều 29 và Điều 30.	Điều 22. Các ủy ban thuộc Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị thành lập các ủy ban theo quy định của pháp luật và theo nhu cầu hoạt động của Ngân hàng. 2. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của từng ủy ban. 3. Người đứng đầu các ủy ban phải là thành viên Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm. Hội đồng quản trị bổ nhiệm tối thiểu	Theo Điều 3 Phụ lục II của Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

STT	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Quy chế hiện hành	Quy chế mới	Lý do
			<p>01 (một) thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên Ủy ban Quản lý rủi ro. Các ủy ban có nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, tham mưu, chuẩn bị các vấn đề liên quan được đưa ra tại cuộc họp của Hội đồng quản trị và trình bày các ý kiến, khuyến nghị của mình trước Hội đồng quản trị.</p> <p>a. Mỗi ủy ban phải có tối thiểu 03 (ba) thành viên, gồm chủ nhiệm ủy ban là thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên khác do Hội đồng quản trị quyết định, bổ nhiệm, miễn nhiệm.</p> <p>b. Sau khi được thành lập, chủ nhiệm ủy ban triệu tập họp, phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của ủy ban phù hợp với Quy định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của ủy ban.</p>	
28.	Bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty	Điều 44.	Điều 23. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.	Theo Điều 3.7 Phụ lục II của Thông tư số 116/2020/TT-BTC
29.	Tiêu chuẩn đối với Người Phụ trách quản trị công ty	Điều 42.	Điều 24. Tiêu chuẩn đối với Người phụ trách quản trị công ty Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng.	Theo Điều 3.7 Phụ lục II của Thông tư số 116/2020/TT-BTC
30.	Quyền hạn và trách nhiệm của Người	Điều 43.	Điều 25. Quyền hạn và trách nhiệm của Người phụ trách quản trị công ty	Theo Điều 3.7 Phụ lục II của Thông tư số

STT	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Quy chế hiện hành	Quy chế mới	Lý do
	phụ trách quản trị công ty		<ol style="list-style-type: none"> Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm thư ký công ty. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau: <ol style="list-style-type: none"> Tư vấn cho Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo và các công việc liên quan giữa Ngân hàng và cổ đông; Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị; Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; Tham dự các cuộc họp; Tư vấn về thủ tục lập các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị; Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Ngân hàng; Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng; Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng. 	116/2020/TT-BTC
31.		CHƯƠNG V: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT	CHƯƠNG IV: BAN KIỂM SOÁT	

STT	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Quy chế hiện hành	Quy chế mới	Lý do
32.	Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	Không quy định.	Bổ sung Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát 1. Ban kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ của Ngân hàng, Điều lệ Ngân hàng và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. 2. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát: Thực hiện theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, Điều lệ Ngân hàng và các quy định có liên quan của pháp luật.	Theo Điều 4 Phụ lục II của Thông tư số 116/2020/TT-BTC.
33.	Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát	Không quy định.	Bổ sung Điều 27. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát 1. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc. 2. Ban kiểm soát của Ngân hàng có ít nhất 05 thành viên, số lượng cụ thể do Điều lệ Ngân hàng quy định. Trường hợp số thành viên Ban kiểm soát không đủ hai phần ba tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng thì trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành	Theo Điều 4 Phụ lục II của Thông tư số 116/2020/TT-BTC; Điều 51, Điều 210.8 Luật Các TCTD 2024.

STT	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Quy chế hiện hành	Quy chế mới	Lý do
			viên, Ngân hàng phải bổ sung đủ số lượng thành viên Ban kiểm soát.	
34.	Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Ban kiểm soát	<p>Điều 24. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát</p> <p>Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Từ 21 (hai mươi một) tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; Không thuộc đối tượng không được là thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định khác có liên quan của pháp luật; Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán; Không phải là Người có liên quan của Người quản lý Ngân hàng; Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm; Có sức khỏe, có đạo đức nghề nghiệp và trung thực. 	<p>Điều 28. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Ban kiểm soát</p> <p>Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Không thuộc đối tượng không được là thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định khác có liên quan của pháp luật; Có trình độ học vấn từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; Có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán; Không phải là người có liên quan của người quản lý, người điều hành Ngân hàng; Trưởng Ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm; Có đạo đức nghề nghiệp. 	Điều 41.3, Điều 210.8 Luật Các TCTD 2024.
35.	Đề cử thành viên Ban kiểm soát	<p>Điều 25.</p> <ol style="list-style-type: none"> Trừ trường hợp Điều lệ Ngân hàng có quy định khác, việc đề cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại Điều 18 Quy chế này. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên 	<p>Điều 29.</p> <ol style="list-style-type: none"> Việc đề cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện như cách thức đề cử thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều 16 Quy chế này. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm 	

STT	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Quy chế hiện hành	Quy chế mới	Lý do
		hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Ngân hàng và Quy chế này.	ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và Quy chế này.	
36.	Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	<p>Điều 27. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Thành viên Ban kiểm soát đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Mất năng lực hành vi dân sự, chết; b. Vi phạm quy định tại Điều 33 của Luật Các tổ chức tín dụng về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ; c. Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông của Ngân hàng khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân; d. Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; e. Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; f. Khi Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép. <p>2. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế; b. Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Ngân hàng; c. Không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 50 Luật Các tổ chức tín dụng; d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng. 	<p>Điều 31. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát</p> <p>Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế; 2. Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Ngân hàng; 3. Không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng; 4. Các trường hợp khác theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều lệ Ngân hàng. 	Rút gọn nội dung trình bày.
37.	Thay thế thành viên	Điều 28.	Lược bỏ.	Lược bỏ vì không cần

STT	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Quy chế hiện hành	Quy chế mới	Lý do
	Ban kiểm soát			thiết.
38.	Các cuộc họp của Ban kiểm soát	Không quy định.	Bổ sung Điều 32. Các cuộc họp của Ban kiểm soát Các cuộc họp và việc thông qua quyết định của Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và các quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ.	Theo Điều 4 Phụ lục II của Thông tư số 116/2020/TT-BTC và Điều 59 Điều lệ ACB.
39.	Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	Không quy định.	Bổ sung Điều 33. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.	Theo Điều 172 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 4 Phụ lục II, Điều 17 Phụ lục IV của Thông tư số 116/2020/TT-BTC.
40.		CHƯƠNG VI: THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Lược bỏ.	Lược bỏ vì thay đổi cách trình bày.
41.	Các ủy ban giúp việc của Hội đồng quản trị	Điều 29. Các ủy ban giúp việc của Hội đồng quản trị	Điều 22. Các ủy ban thuộc Hội đồng quản trị	
42.	Chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các ủy ban	Điều 30.	Lược bỏ.	Lược bỏ vì không cần thiết.
43.		CHƯƠNG VII: NGƯỜI ĐIỀU HÀNH	CHƯƠNG V: TỔNG GIÁM ĐỐC	
44.	Tiêu chuẩn và điều kiện	Điều 31. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Người điều hành 1. Người điều hành phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện chung sau đây: a. Từ 25 (hai mươi lăm) tuổi trở lên và có đủ năng lực hành vi dân sự; b. Có năng lực chuyên môn và có khả năng điều	Điều 34. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Tổng giám đốc Tổng giám đốc phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: 1. Không thuộc đối tượng không được là Tổng giám đốc theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng	Theo Điều 5 Phụ lục II của Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

STT	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Quy chế hiện hành	Quy chế mới	Lý do
		<p>hành;</p> <p>c. Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm và có trình độ ngoại ngữ phù hợp;</p> <p>d. Phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;</p> <p>e. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt và trung thực;</p> <p>f. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định nội bộ của Ngân hàng do Hội đồng quản trị ban hành có hiệu lực trong từng thời kỳ.</p> <p>2. Tổng giám đốc phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <p>a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Không thuộc đối tượng không được là Tổng giám đốc theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định khác có liên quan của pháp luật;</p> <p>c. Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật; Có ít nhất 05 (năm) năm là người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 (năm) năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với từng loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 10</p>	<p>và các quy định khác có liên quan của pháp luật;</p> <p>2. Có đạo đức nghề nghiệp;</p> <p>3. Có trình độ học vấn từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;</p> <p>4. Có ít nhất 05 (năm) năm là người điều hành của tổ chức tín dụng; hoặc có ít nhất 05 (năm) năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với từng loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; hoặc có ít nhất 10 (mười) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;</p> <p>5. Cư trú ở Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;</p> <p>6. Tổng giám đốc không được đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con của Ngân hàng;</p> <p>7. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định nội bộ của Ngân hàng do Hội đồng quản trị ban hành.</p>	

STT	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Quy chế hiện hành	Quy chế mới	Lý do
		<p>(mười) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;</p> <p>d. Có sức khỏe, có đạo đức nghề nghiệp và trung thực;</p> <p>e. Cư trú ở Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.</p> <p>3. Phó Tổng giám đốc phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <p>a. Đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này;</p> <p>b. Không thuộc đối tượng không được là Phó Tổng giám đốc theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định khác có liên quan của pháp luật;</p> <p>c. Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn sẽ đảm nhiệm hoặc có trình độ đại học trở lên ngoài các ngành, lĩnh vực nêu trên nhưng có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn sẽ đảm nhiệm.</p> <p>4. Tổng giám đốc không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:</p> <p>a. Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác;</p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội</p>		

STT	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Quy chế hiện hành	Quy chế mới	Lý do
		<p>đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của Ngân hàng.</p> <p>5. Phó Tổng giám đốc không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:</p> <p>a. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của Ngân hàng;</p> <p>b. Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.</p>		
45.	Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc	Không quy định.	<p>Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc</p> <p>1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng và chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc: Thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.</p>	Theo Điều 5 Phụ lục II của Thông tư số 116/2020/TT-BTC.
46.	Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc	Không quy định.	<p>Điều 36. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc</p> <p>Trừ trường hợp Hội đồng quản trị có quy định khác, nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 03 năm. Tổng giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	Theo Điều 5 Phụ lục II của Thông tư số 116/2020/TT-BTC.
47.	Bổ nhiệm Tổng giám đốc	<p>Điều 32. Việc bổ nhiệm Người điều hành</p> <p>1. Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Người điều hành phù hợp quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và quy định nội bộ của Ngân hàng do Hội đồng</p>	<p>Điều 37. Bổ nhiệm Tổng giám đốc</p> <p>Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Tổng giám đốc. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm Tổng giám đốc được thực hiện theo quy định nội bộ của Ngân hàng.</p>	

STT	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Quy chế hiện hành	Quy chế mới	Lý do
		quản trị ban hành. 2. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm Người điều hành được thực hiện theo quy định nội bộ của Ngân hàng do Hội đồng quản trị ban hành.		
48.	Ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc	Điều 33. Ký hợp đồng lao động với Người điều hành 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị và đại diện cho Ngân hàng sẽ ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc. 2. Tổng giám đốc hoặc Người đại diện theo pháp luật hoặc người được Tổng giám đốc hoặc Người đại diện theo pháp luật ủy quyền sẽ ký hợp đồng lao động với Người điều hành khác theo quy định nội bộ của Ngân hàng.	Điều 38. Ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị và đại diện cho Ngân hàng sẽ ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc.	
49.	Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc	Không quy định.	Điều 39. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.	Theo Điều 5 Phụ lục II của Thông tư số 116/2020/TT-BTC.
50.	Bổ nhiệm, tái bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc	Điều 34.	Lược bỏ.	Lược bỏ vì không cần thiết.
51.	Miễn nhiệm Người điều hành khác	Điều 35.	Lược bỏ.	Lược bỏ vì không cần thiết.
52.		CHƯƠNG VIII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	CHƯƠNG VI: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	
53.	Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản	Điều 36.	Điều 40.	

STT	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Quy chế hiện hành	Quy chế mới	Lý do
	trị với Ban kiểm soát			
54.	Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Tổng giám đốc	<p>Điều 37. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Tổng giám đốc và Người điều hành khác</p> <p>1. Phối hợp hoạt động trong triển khai các nhiệm vụ được giao được thực hiện như sau:</p> <p>a. Tại các phiên họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị/người chủ trì phiên họp căn cứ nội dung cuộc họp để quyết định mời Tổng giám đốc hoặc Người điều hành khác phụ trách mảng công việc có liên quan cùng dự họp và tham gia ý kiến (nếu có).</p> <p>b. Tại các phiên họp định kỳ hoặc đột xuất của Ban điều hành hoặc các phiên họp liên quan đến các nội dung quan trọng do Tổng giám đốc hoặc Người điều hành khác chủ trì, người chủ trì căn cứ nội dung cuộc họp để quyết định mời Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị có liên quan cùng tham dự họp và đóng góp ý kiến (nếu có). Nội dung cuộc họp phải được lập thành biên bản và gửi một bản cho Chủ tịch Hội đồng quản trị để báo cáo.</p> <p>c. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao tại các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị.</p> <p>d. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, nếu có yêu cầu của các thành viên Hội đồng quản trị, thì Tổng giám đốc và Người điều hành khác phải</p>	<p>Điều 41. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Tổng giám đốc</p> <p>1. Tại các phiên họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người chủ trì phiên họp căn cứ nội dung cuộc họp để quyết định mời Tổng giám đốc và người quản lý, người điều hành khác phụ trách mảng công việc có liên quan cùng dự họp và tham gia ý kiến, nếu thấy cần thiết.</p> <p>2. Tại các phiên họp định kỳ hoặc đột xuất của Ban điều hành hoặc các phiên họp liên quan đến các nội dung quan trọng do Tổng giám đốc hoặc người quản lý, người điều hành khác chủ trì; người chủ trì căn cứ nội dung cuộc họp để quyết định mời Chủ tịch Hội đồng quản trị, hoặc thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, cùng tham dự họp và đóng góp ý kiến. Nội dung cuộc họp phải được lập thành biên bản và gửi một bản cho Chủ tịch Hội đồng quản trị để báo cáo.</p> <p>3. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao tại các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, nếu có yêu cầu của các thành viên Hội đồng quản trị, thì Tổng giám đốc phải thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo có liên quan đến mảng công việc mà thành viên Hội đồng quản trị đó được phân công</p>	Trình bày lại nội dung.

STT	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Quy chế hiện hành	Quy chế mới	Lý do
		<p>thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo có liên quan đến mảng công việc mà thành viên Hội đồng quản trị đó được phân công thực hiện.</p> <p>e. Tổng giám đốc và Người điều hành khác chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất.</p> <p>f. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Ngân hàng hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Tổng giám đốc và Người điều hành khác phải báo cáo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Tổng giám đốc chỉ đạo việc báo cáo cho Hội đồng quản trị theo yêu cầu. Mọi quyết định và ý kiến chỉ đạo điều hành của Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc có liên quan đến các mảng việc lớn hoặc có tính chất thay đổi quy trình nghiệp vụ hoặc có liên quan đến các sản phẩm dịch vụ ngân hàng mới đều phải được gửi 01 (một) bản đến Chủ tịch Hội đồng quản trị để báo cáo. Các Phó Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo kịp thời với Tổng giám đốc về các quyết định và ý kiến chỉ đạo lớn của mình trong phạm vi mảng nghiệp vụ được phân công/giao.</p>	<p>thực hiện. Tổng giám đốc chỉ đạo việc báo cáo cho Hội đồng quản trị theo yêu cầu. Mọi quyết định và ý kiến chỉ đạo điều hành của Tổng giám đốc có liên quan đến các mảng việc lớn hoặc có tính chất thay đổi quy trình nghiệp vụ hoặc có liên quan đến các sản phẩm dịch vụ ngân hàng mới đều phải được gửi 01 bản đến Chủ tịch Hội đồng quản trị để báo cáo.</p> <p>4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất.</p> <p>5. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Ngân hàng hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Tổng giám đốc phải báo cáo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p>	
55.	Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Tổng giám đốc	<p>Điều 38. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Tổng giám đốc và Người điều hành khác</p> <p>1. Trường hợp xét thấy cần thiết, Tổng giám đốc hoặc Người điều hành khác có thể mời Trưởng Ban kiểm</p>	<p>Điều 42. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Tổng giám đốc</p> <p>1. Trường hợp xét thấy cần thiết, Tổng giám đốc có thể mời Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên</p>	Trình bày lại nội dung.

STT	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Quy chế hiện hành	Quy chế mới	Lý do
		<p>soát hoặc thành viên Ban kiểm soát tham dự họp Ban điều hành hoặc các cuộc họp khác. Khi tham dự họp, Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát có thể góp ý kiến (nếu có). Tổng giám đốc hoặc Người điều hành khác gửi cho Ban kiểm soát 01 (một) biên bản họp này.</p> <p>2. Tổng giám đốc và Người điều hành khác thực hiện báo cáo theo yêu cầu của Ban kiểm soát.</p> <p>3. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, nếu có yêu cầu của Trưởng Ban kiểm soát, thì Tổng giám đốc hoặc Người điều hành khác phải thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo có liên quan đến mảng việc mà thành viên Ban điều hành và Người điều hành đó được phân công thực hiện.</p> <p>4. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, Tổng giám đốc hoặc Người điều hành khác cần báo cáo ngay cho Trưởng Ban kiểm soát.</p> <p>5. Tổng giám đốc và Người điều hành khác chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất.</p>	<p>Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp của Ban điều hành. Khi tham dự họp, Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát có thể góp ý kiến. Tổng giám đốc gửi cho Ban kiểm soát 01 biên bản họp này.</p> <p>2. Tổng giám đốc thực hiện báo cáo theo yêu cầu của Ban kiểm soát.</p> <p>3. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, Tổng giám đốc, ngoài việc báo cáo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, cần báo cáo cho Trưởng Ban kiểm soát, nếu thấy cần thiết.</p> <p>4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất.</p>	
56.		CHƯƠNG IX: ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH	CHƯƠNG VII: KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	

STT	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Quy chế hiện hành	Quy chế mới	Lý do
57.	Đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Người điều hành	Điều 39.	Lược bỏ.	Lược bỏ vì không cần thiết.
58.	Khen thưởng	Điều 40.	Điều 43.	
59.	Kỷ luật	Điều 41.	Điều 44.	
60.		CHƯƠNG X: NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG	Lược bỏ.	Các nội dung liên quan chuyển thành Điều 23, 24 và 25 của Chương III.
61.	ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN	CHƯƠNG XI.	CHƯƠNG VIII.	
62.	Hiệu lực thi hành và sửa đổi, bổ sung	Điều 45. 1. Quy chế này có hiệu lực thi hành khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua. 2. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phù hợp với quy định của pháp luật./.	Điều 45. 1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu ban hành kèm Nghị quyết số 1316/TCQĐ-ĐHĐCĐ.19 ngày 23/4/2019. 2. Mọi sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Đại hội đồng cổ đông quyết định./.	Đại hội đồng cổ đông không ủy quyền cho Hội đồng quản trị để đảm bảo tính khách quan, minh bạch.



PHỤ LỤC 2

(DỰ THẢO)

QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /TCQĐ-ĐHĐCĐ.24 ngày tháng năm 2024
của Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Á Châu)*

MỤC LỤC

CHƯƠNG I.....	1
QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.....	1
Điều 2. Đối tượng áp dụng.....	1
Điều 3. Nguyên tắc áp dụng văn bản	1
CHƯƠNG II.....	1
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	1
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	1
Điều 5. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông và lập danh sách cổ đông có quyền dự họp	1
Điều 6. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	2
Điều 7. Đăng ký và ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	2
Điều 8. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	3
Điều 9. Thủ tục biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	3
Điều 10. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	3
Điều 11. Công bố nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	4
Điều 12. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.....	4
CHƯƠNG III.....	5
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	5
Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	5
Điều 14. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	5
Điều 15. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị.....	6
Điều 16. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị.....	6
Điều 17. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị.....	7
Điều 18. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	7
Điều 19. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	8
Điều 20. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị.....	8
Điều 21. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.....	8
Điều 22. Các ủy ban thuộc Hội đồng quản trị.....	8
Điều 23. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.....	8
Điều 24. Tiêu chuẩn đối với Người phụ trách quản trị công ty	8
Điều 25. Quyền hạn và trách nhiệm của Người phụ trách quản trị công ty	8

CHƯƠNG IV	9
BAN KIỂM SOÁT	9
Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	9
Điều 27. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát	9
Điều 28. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Ban kiểm soát	9
Điều 29. Đề cử thành viên Ban kiểm soát	10
Điều 30. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát	10
Điều 31. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	10
Điều 32. Các cuộc họp của Ban kiểm soát	10
Điều 33. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	10
CHƯƠNG V	10
TỔNG GIÁM ĐỐC	10
Điều 34. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Tổng giám đốc	10
Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc	11
Điều 36. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc	11
Điều 37. Bổ nhiệm Tổng giám đốc	11
Điều 38. Ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc	11
Điều 39. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc	11
CHƯƠNG VI	11
PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	11
Điều 40. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát	11
Điều 41. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Tổng giám đốc	11
Điều 42. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Tổng giám đốc	12
CHƯƠNG VII	12
KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	12
Điều 43. Khen thưởng	12
Điều 44. Kỷ luật	12
CHƯƠNG VIII	13
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN	13
Điều 45. Hiệu lực thi hành và sửa đổi, bổ sung	13

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /TCQĐ-ĐHĐCĐ.24 ngày tháng năm 2024
của Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Á Châu)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng văn bản

- Trường hợp Quy chế này không quy định thì các quy định tại Điều lệ Ngân hàng và các quy định có liên quan của pháp luật sẽ được áp dụng.
- Trường hợp có sự thay đổi Điều lệ Ngân hàng và/hoặc quy định của pháp luật dẫn đến quy định tại Quy chế này khác với quy định của Điều lệ Ngân hàng và/hoặc quy định của pháp luật đó thì áp dụng quy định mới tại Điều lệ Ngân hàng và/hoặc quy định mới của pháp luật.

Chương II ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

- Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Ngân hàng.
- Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông: Thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

Điều 5. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông và lập danh sách cổ đông có quyền dự họp

- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi cho Sở giao dịch chứng khoán và các cơ quan liên quan thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và chuẩn bị danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập xong chậm nhất 31 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông dự kiến. Ngân hàng phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
 - Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần do Hội đồng quản trị triệu tập trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
 - Đại hội đồng cổ đông bất thường được triệu tập họp trong một số trường hợp nhất định được quy định tại Điều lệ Ngân hàng.
- Hình thức họp Đại hội đồng cổ đông:
 - Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành thông qua hình thức họp trực tiếp, hoặc họp trực tuyến, hoặc họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

- b. Trình tự, thủ tục và cách thức tiến hành Đại hội đồng cổ đông được tiến hành thông qua phương thức họp trực tuyến, hoặc kết hợp trực tiếp và trực tuyến, được thực hiện theo quy định của Đại hội đồng cổ đông trong từng thời kỳ.
- 3. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ tùy thân của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
- 4. Cổ đông có quyền yêu cầu người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 6. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
- 2. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng; trường hợp Ngân hàng xét thấy cần thiết thì đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương theo quy định của Điều lệ Ngân hàng.
- 3. Tài liệu họp sẽ được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.

Điều 7. Đăng ký và ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cổ đông đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông theo hướng dẫn tại thông báo mời họp quy định tại Điều 6 Quy chế này.
- 2. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được ủy quyền lại cho người khác dự họp bằng văn bản nếu được cổ đông đồng ý nhưng không được tham gia ứng cử với tư cách cá nhân mình. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử đi dự họp thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.
- 3. Việc ủy quyền cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản. Hội đồng quản trị có trách nhiệm quy định cụ thể nội dung cần thiết trong văn bản ủy quyền, nhưng phải có các yếu tố sau:
 - a. Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải ghi rõ: Họ tên người ủy quyền, địa chỉ thường trú, số giấy tờ tùy thân, số cổ phần và loại cổ phần đang sở hữu, nội dung và mục đích ủy quyền; họ tên người được ủy quyền, địa chỉ thường trú và số giấy tờ tùy thân của người được ủy quyền; người ủy quyền phải ký tên và ghi rõ họ tên của mình;
 - b. Trường hợp cổ đông là pháp nhân thì văn bản ủy quyền phải ghi rõ: (i) Thông tin bên ủy quyền (Tên pháp nhân, địa chỉ pháp nhân, họ tên và số giấy tờ tùy thân của cá nhân đại diện số vốn góp cổ phần của pháp nhân); (ii) Số cổ phần và loại cổ phần đang sở hữu, nội dung và mục đích ủy quyền; (iii) Thông tin bên được ủy quyền (họ tên người được ủy quyền, địa chỉ thường trú và số giấy tờ tùy thân). Bên ủy quyền phải ký tên và ghi rõ họ tên của mình và đóng dấu của pháp nhân. Trường hợp chữ ký của bên ủy quyền chưa có thẩm quyền được đóng dấu pháp nhân thì phải được đại diện có đủ thẩm quyền của pháp nhân ký tên, đóng dấu để xác nhận đó là chữ ký của bên ủy quyền.
- 4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực trong các trường hợp sau:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Ngân hàng nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 8. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và những người được ủy quyền dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không đủ điều kiện về tỷ lệ đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết cần thiết tham dự họp trong vòng 60 phút kể từ thời điểm dự định họp thì Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông và những người được ủy quyền dự họp đại diện ít nhất 33% số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông lần hai không đủ điều kiện về tỷ lệ đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết cần thiết tham dự họp trong vòng 60 phút kể từ thời điểm dự định họp, thì Đại hội đồng cổ đông lần ba được triệu tập họp trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông, tỷ lệ đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể quyết định một cách hợp lệ.

Điều 9. Thủ tục biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình dưới sự điều khiển của Chủ tọa.
2. Cổ đông biểu quyết về các vấn đề theo Quy chế biểu quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
3. Số phiếu biểu quyết của mỗi cổ đông biểu quyết bằng số cổ phần mà cổ đông sở hữu hoặc là người đại diện chủ sở hữu.
4. Ban kiểm phiếu có số lượng không quá 03 người được Đại hội đồng cổ đông tiến hành biểu quyết bầu theo đề nghị của Chủ tọa. Chủ tọa giới thiệu nhân sự bầu vào Ban kiểm phiếu, quyết định phương thức kiểm đếm tỷ lệ biểu quyết bằng giờ tay hoặc phương thức khác và phân công bộ phận tổ chức cuộc họp tiến hành kiểm đếm tỷ lệ biểu quyết. Ban kiểm phiếu làm việc theo sự chỉ đạo của Chủ tọa.
5. Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền của cổ đông đến sau khi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia, biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
6. Cổ đông tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Trình tự, thủ tục họp và biểu quyết thông qua hình thức họp trực tuyến, hoặc bằng hình thức họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến, hoặc bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác được thực hiện theo quy định của Đại hội đồng cổ đông trong từng thời kỳ.

Điều 10. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm bảo quản các biên bản và phổ biến cho tất cả các cổ đông ngay khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc, và các biên bản này được coi là những bằng

chứng mang tính kết luận về công việc được tiến hành tại Đại hội đó. Biên bản này phải được lập bằng tiếng Việt, được chủ tọa của Đại hội và thư ký ký tên, chủ yếu gồm các nội dung sau đây:

- a. Ngày tháng và địa điểm tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Chương trình họp;
 - c. Họ tên chủ tọa và thư ký;
 - d. Tóm tắt các phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e. Các vấn đề được thảo luận và các nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua, số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến và những vấn đề còn tồn đọng;
 - f. Tổng số phiếu của các cổ đông tham dự;
 - g. Tổng số phiếu về từng vấn đề; và
 - h. Họ tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Biên bản sẽ là bằng chứng cho các nội dung công việc đã được thực hiện tại đại hội cổ đông.
 3. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và các văn bản ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lưu giữ tại trụ sở của Ngân hàng. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, tất cả các nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
 4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm bế mạc cuộc họp.

Điều 11. Công bố nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến và được công bố thông tin cùng với biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nghị quyết được thông qua. Việc gửi nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cho các cổ đông được thực hiện bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.
2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và có giá trị hiệu lực cao nhất trong Ngân hàng. Mọi bộ phận, cá nhân (bao gồm cả thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc), cổ đông (tổ chức và cá nhân) đều có nghĩa vụ thi hành.

Điều 12. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm điều phối việc chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết ít nhất 10 ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu quy định tại Điều lệ Ngân hàng và được gửi cho các cổ đông theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Ngân hàng.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người quản lý, người điều hành.
5. Biên bản kiểm phiếu được gửi đến cho cổ đông thông qua trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

6. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, chủ sở hữu.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, người quản lý, người điều hành khác cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và các đơn vị trong Ngân hàng.
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị: Thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ sau:
 - a. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Ngân hàng;
 - b. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan;
 - c. Đảm bảo hoạt động của Ngân hàng tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và quy định nội bộ của Ngân hàng;
 - d. Xây dựng quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội cổ đông thông qua;
 - e. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý, người điều hành khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Ngân hàng sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;
 - f. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;
 - g. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý, người điều hành khác của Ngân hàng;
 - h. Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị tại đại hội cổ đông.
4. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị: Thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

Điều 14. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
2. Hội đồng quản trị bao gồm ít nhất là 05 thành viên và nhiều nhất là 11 thành viên. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 02 thành viên độc lập, hai phần ba tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành tổ chức tín dụng. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể là thành viên độc lập.
3. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị nhưng không được vượt quá 02 thành viên Hội đồng quản trị của một tổ chức tín dụng là công ty cổ phần, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc.

Điều 15. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a. Không thuộc đối tượng không được là thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng;
 - b. Có đạo đức nghề nghiệp;
 - c. Có trình độ học vấn từ đại học trở lên;
 - d. Có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không phải là người đang làm việc cho chính Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng trong 03 năm liền kề trước đó;
 - b. Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng ngoài những khoản phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c. Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Ngân hàng, người quản lý, người điều hành hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;
 - d. Không đại diện sở hữu cổ phần của tổ chức tín dụng đó; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tổ chức tín dụng đó;
 - e. Không phải là người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó.
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 16. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đủ điều kiện đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị sở hữu dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 (tám) ứng cử viên.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử; hoặc tổng số ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử không đủ số lượng dự kiến bầu; hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định thì số ứng

cử viên còn lại do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử hoặc tổ chức đề cử theo quy định của Hội đồng quản trị.

3. Trường hợp đã xác định được trước ứng cử viên, thông tin liên quan đến các ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu.
4. Các ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Ngân hàng nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ học vấn và chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Tên các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác (nếu có);
 - e. Các lợi ích có liên quan tới Ngân hàng (nếu có);
 - f. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng cử viên đó (nếu có);
 - g. Các thông tin khác (nếu có).

Điều 17. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
2. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Ngân hàng. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Ngân hàng.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 18. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị bị xem xét miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế;
 - b. Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị của Ngân hàng;
 - c. Không đảm bảo yêu cầu về tính độc lập đối với thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - d. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị (đối với thành viên Hội đồng quản trị) trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - e. Không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng;

- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
2. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.
 3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 19. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 20. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị, thông qua quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị, lập biên bản họp Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều lệ Ngân hàng và Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 21. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phải được gửi 01 bản sao cho Trưởng Ban kiểm soát để giám sát thực hiện và 01 bản sao cho Tổng giám đốc để biết, thực hiện sau khi ban hành.

Điều 22. Các ủy ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thành lập các ủy ban theo quy định của pháp luật và theo nhu cầu hoạt động của Ngân hàng.
2. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của từng ủy ban.
3. Người đứng đầu các ủy ban phải là thành viên Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm. Hội đồng quản trị bổ nhiệm tối thiểu 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên Ủy ban Quản lý rủi ro. Các ủy ban có nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, tham mưu, chuẩn bị các vấn đề liên quan được đưa ra tại cuộc họp của Hội đồng quản trị và trình bày các ý kiến, khuyến nghị của mình trước Hội đồng quản trị.
 - a. Mỗi ủy ban phải có tối thiểu 03 thành viên, gồm chủ nhiệm ủy ban là thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên khác do Hội đồng quản trị quyết định, bổ nhiệm, miễn nhiệm.
 - b. Sau khi được thành lập, chủ nhiệm ủy ban triệu tập họp, phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của ủy ban phù hợp với Quy định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của ủy ban.

Điều 23. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.

Điều 24. Tiêu chuẩn đối với Người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng.

Điều 25. Quyền hạn và trách nhiệm của Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm thư ký công ty.
2. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn cho Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông và các công việc liên quan giữa Ngân hàng và cổ đông;

- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn về thủ tục lập các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Ngân hàng;
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

Chương IV

BAN KIỂM SOÁT

Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ của Ngân hàng, Điều lệ Ngân hàng và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát: Thực hiện theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, Điều lệ Ngân hàng và các quy định có liên quan của pháp luật.

Điều 27. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
2. Ban kiểm soát của Ngân hàng có ít nhất 05 thành viên, số lượng cụ thể do Điều lệ Ngân hàng quy định. Trường hợp số thành viên Ban kiểm soát không đủ hai phần ba tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng thì trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, Ngân hàng phải bổ sung đủ số lượng thành viên Ban kiểm soát.

Điều 28. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

1. Không thuộc đối tượng không được là thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định khác có liên quan của pháp luật;
2. Có trình độ học vấn từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;
3. Có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;
4. Không phải là người có liên quan của người quản lý, người điều hành Ngân hàng;
5. Trưởng Ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;
6. Có đạo đức nghề nghiệp.

Điều 29. Đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc đề cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện như cách thức đề cử thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều 16 Quy chế này.
2. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và Quy chế này.

Điều 30. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát

Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát được thực hiện như cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều 17 Quy chế này.

Điều 31. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế;
2. Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Ngân hàng;
3. Không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng;
4. Các trường hợp khác theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều lệ Ngân hàng.

Điều 32. Các cuộc họp của Ban kiểm soát

Các cuộc họp và việc thông qua quyết định của Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và các quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Điều 33. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

Chương V**TỔNG GIÁM ĐỐC****Điều 34. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Tổng giám đốc**

Tổng giám đốc phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng không được là Tổng giám đốc theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định khác có liên quan của pháp luật;
2. Có đạo đức nghề nghiệp;
3. Có trình độ học vấn từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;
4. Có ít nhất 05 năm là người điều hành của tổ chức tín dụng; hoặc có ít nhất 05 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với từng loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; hoặc có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
5. Cư trú ở Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;
6. Tổng giám đốc không được đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con của Ngân hàng;
7. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định nội bộ của Ngân hàng do Hội đồng quản trị ban hành.

Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng và chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc: Thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

Điều 36. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc

Trừ trường hợp Hội đồng quản trị có quy định khác, nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 03 năm. Tổng giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Điều 37. Bổ nhiệm Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Tổng giám đốc. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm Tổng giám đốc được thực hiện theo quy định nội bộ của Ngân hàng.

Điều 38. Ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc

Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị và đại diện cho Ngân hàng sẽ ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc.

Điều 39. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc

Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.

Chương VI**PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT
VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC****Điều 40. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị bảo đảm các thành viên Ban kiểm soát được mời tham dự cuộc họp định kỳ hay bất thường của Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Ngân hàng theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát phù hợp với quy định của pháp luật.
4. Ban kiểm soát có quyền tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị và phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.
5. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với quyết định của Hội đồng quản trị và, nếu thấy cần thiết, báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

Điều 41. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Tổng giám đốc

1. Tại các phiên họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người chủ trì phiên họp căn cứ nội dung cuộc họp để quyết định mời Tổng giám đốc và người quản lý, người điều hành khác phụ trách mảng công việc có liên quan cùng dự họp và tham gia ý kiến, nếu thấy cần thiết.

2. Tại các phiên họp định kỳ hoặc đột xuất của Ban điều hành hoặc các phiên họp liên quan đến các nội dung quan trọng do Tổng giám đốc hoặc người quản lý, người điều hành khác chủ trì; người chủ trì căn cứ nội dung cuộc họp để quyết định mời Chủ tịch Hội đồng quản trị, hoặc thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, cùng tham dự họp và đóng góp ý kiến. Nội dung cuộc họp phải được lập thành biên bản và gửi một bản cho Chủ tịch Hội đồng quản trị để báo cáo.
3. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao tại các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, nếu có yêu cầu của các thành viên Hội đồng quản trị, thì Tổng giám đốc phải thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo có liên quan đến mảng công việc mà thành viên Hội đồng quản trị đó được phân công thực hiện. Tổng giám đốc chỉ đạo việc báo cáo cho Hội đồng quản trị theo yêu cầu. Mọi quyết định và ý kiến chỉ đạo điều hành của Tổng giám đốc có liên quan đến các mảng việc lớn hoặc có tính chất thay đổi quy trình nghiệp vụ hoặc có liên quan đến các sản phẩm dịch vụ ngân hàng mới đều phải được gửi 01 bản đến Chủ tịch Hội đồng quản trị để báo cáo.
4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất.
5. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Ngân hàng hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Tổng giám đốc phải báo cáo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 42. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Tổng giám đốc

1. Trường hợp xét thấy cần thiết, Tổng giám đốc có thể mời Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp của Ban điều hành. Khi tham dự họp, Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát có thể góp ý kiến. Tổng giám đốc gửi cho Ban kiểm soát 01 biên bản họp này.
2. Tổng giám đốc thực hiện báo cáo theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
3. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, Tổng giám đốc, ngoài việc báo cáo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, cần báo cáo cho Trưởng Ban kiểm soát, nếu thấy cần thiết.
4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất.

Chương VII

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 43. Khen thưởng

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, và Tổng giám đốc có thành tích trong việc quản trị, kiểm soát và điều hành Ngân hàng sẽ được xem xét khen thưởng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
2. Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể về hình thức khen thưởng, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo quy định nội bộ của Ngân hàng.

Điều 44. Kỷ luật

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và các quy định khác có liên quan của pháp luật, thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm, sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và/hoặc quy định nội bộ của Ngân hàng.

2. Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật sẽ được thực hiện theo quy định nội bộ của Ngân hàng.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 45. Hiệu lực thi hành và sửa đổi, bổ sung

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu ban hành kèm Nghị quyết số 1316/TCQĐ-ĐHĐCĐ.19 ngày 23/4/2019.
2. Mọi sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Đại hội đồng cổ đông quyết định./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA